

SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐKKV BẮC QUẢNG TRỊ
Số: 134 /BVĐKKVBQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bắc Gianh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ BỔ SUNG

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: **Sở Y tế Quảng Trị**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Trị**
Số giấy phép hoạt động: 648/QT- GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Quảng Trị, ngày 10 tháng 07 năm 2025.

Địa chỉ: Phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS. Nguyễn Viết Thái

Điện thoại liên hệ: 0942239045 Email (nếu có):

Căn cứ Nghị định số 96 /2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Mắt, Răng Hàm Mặt, Tai mũi họng, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Chấn thương chỉnh hình, Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Da liễu, Ngoại tiết niệu, Nội tim mạch (*bác sỹ có văn bằng chuyên khoa/ chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản*).

- Điều dưỡng (*chuyên ngành Phụ sản*)

2. Danh sách bổ sung người hướng dẫn thực hành (phụ lục I kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành (phụ lục III kèm theo).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Nguyễn Viết Thái

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo bản Công bố bổ sung số: 134 ngày 06 tháng 3 năm 2026)

| STT | Họ và tên | Số CCHN/GPHN | Phạm vi hoạt động chuyên môn trên CCHN/GPHN | Quyết định điều chỉnh, bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh |
|-----|---------------------|----------------|--|--|
| 1 | Nguyễn Việt Thái | 000128/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, chuyên khoa chấn thương chỉnh hình | |
| 2 | Lê Thị Lệ Thu | 000121/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt | |
| 3 | Lê Ngọc Bích | 000127/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | |
| 4 | Đàm Thanh Ngân | 000135/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | |
| 5 | Đỗ Thị Phương | 002020/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 6 | Phan Thị Nga | 000200/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 7 | Nguyễn Hoàng Yến | 000947/QB-CCHN | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ | |
| 8 | Nguyễn An Bảo Chinh | 000148/QB-CCHN | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV | |

| | | | | |
|----|----------------------|----------------|---|--|
| | | | ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ | |
| 9 | Trần Thị Thiên | 000229/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 10 | Phạm Thị Hải Giang | 000120/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa | 902/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhãn khoa |
| 11 | Đình Thái Sơn | 001860/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội | |
| 12 | Trần Thị Thanh Hoài | 000161/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 13 | Lê Thị Giang Lam | 000162/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 14 | Nguyễn Thị Cẩm Thơ | 000160/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 15 | Nguyễn Thị Ngọc Châu | 000177/QB-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | |
| 16 | Hồ Thị Hải Lý | 000169/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 17 | Nguyễn Thị Huệ | 003480/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 18 | Nguyễn Thị Thanh Mai | 00123/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt | |
| 19 | Nguyễn Văn Toàn | 000089/QB-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng | |

| | | | | |
|----|----------------------|-----------------|---|--|
| 20 | Cảnh Thị Thuận | 0001863/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt | |
| 21 | Phan Thị Thanh Giang | 0001172/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt | |
| 22 | Đàm Thị Châu Thương | 0003605/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 279/QĐ- SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt |
| 23 | Nguyễn Thị Luyến | 003371/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng | |
| 24 | Trần Hữu Quân | 004432/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 760/QĐ- SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng |
| 25 | Đỗ Hồ Thùy Linh | 008032/ĐNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt | |
| 26 | Đinh Thị Túy | 00175/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 27 | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 003473/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 28 | Nguyễn Thị Hồng Dung | 00179/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 29 | Nguyễn Thị Kiều Loan | 00171/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 30 | Trần Thanh Tình | 000125/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 777/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh |

| | | | | |
|----|-----------------------|-----------------|--|---|
| | | | | chuyên khoa Hồi sức cấp cứu |
| 31 | Nguyễn Anh Linh | 000126/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, Khám chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu | |
| 32 | Mai Văn Hiếu | 4232/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 472/QĐ-SYT. Bổ sung chuyên khoa Hồi sức cấp cứu |
| 33 | Trần Đình Tuấn | 004442/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 313/QĐ-SYT. Bổ sung chuyên khoa Nội tim mạch |
| 34 | Đặng Văn Quang | 000196/QB-CCHN | Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV . | |
| 35 | Phạm Thân Thương | 000190/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 36 | Trương Thị Thanh Diệu | 000185/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 37 | Đinh Chí Thanh | 000186/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 38 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 003508/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 39 | Nguyễn Thị Thu Trang | 0004176/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|----|---------------------|-----------------|---|---|
| 40 | Lê Thị Anh Tuấn | 000188/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 41 | Nguyễn Thị Thu Hà | 001637/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 42 | Phan Thị Thu Hà | 001617/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 43 | Trần Văn Bình | 000129/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | |
| 44 | Trần Quốc Huy | 0002516/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | |
| 45 | Trần Văn Mạnh | 003210/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình | 336/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình |
| 46 | Trần Đức Long | 003801/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 337/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình |
| 47 | Trương Mạnh Tuấn | 4203/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 337/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Tiết niệu |
| 48 | Nguyễn Quốc Đạt | 4273/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 49 | Nguyễn Thị Hồng Sâm | 1930/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định | |

| | | | | |
|----|----------------------|-----------------|--|--|
| | | | tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 50 | Nguyễn Đình Thạch | 000197/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 51 | Lê Văn Thành | 000202/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 52 | Nguyễn Thị Hoài Thu | 000258/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 53 | Trần Huy Bình | 000131/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Sản | |
| 54 | Nguyễn Văn Chương | 0002962/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa | |
| 55 | Lê Đức Huân | 0003277/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa | |
| 56 | Nguyễn Thị Phúc Hoà | 000155/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 57 | Trần Thị Thu Lan | 000285/QB-CCHN | Chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa Sản phụ khoa | |
| 58 | Hà Thị Tố Nga | 000149/QB-CCHN | Chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa Sản phụ khoa | |
| 59 | Nguyễn Thị Hạnh | 000210/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 60 | Nguyễn Thị Xuân Minh | 000213/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|----|-----------------------|-----------------|--|--|
| 61 | Trần Ngọc Thùy | 000111/QB-GPHN | Hộ sinh | |
| 62 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc | 004021/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 63 | Phan Thị Lài | 000211/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 64 | Nguyễn Thị Hoài Thanh | 000212/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 65 | Hoàng Thị Tình | 000214/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 66 | Nguyễn Thị Nguyệt Ánh | 000216/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 67 | Nguyễn Thị Lý | 0001130/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 68 | Đinh Thị Huyền Trâm | 000209/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 69 | Lê Thị Duyên | 0001998/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 70 | Hồ Thị Lài Giang | 000215/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|----|----------------------|-----------------|--|--|
| 71 | Trần Thị Thanh Tâm | 000134/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 901/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội |
| 72 | Phan Thị Hồng Minh | 000136/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội | |
| 73 | Nguyễn Thái Bảo | 3329/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | |
| 74 | Trần Thị Phương Thảo | 3760/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | |
| 75 | Nguyễn Thị Đào | 003823/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa | |
| 76 | Trần Thị Dung | 003875/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 77 | Nguyễn Ngọc Sơn | 004436/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 78 | Lê Thị Thùy Trang | 004440/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 79 | Lê Thị Hoài Thương | 000180/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 80 | Nguyễn Thị Hằng | 0001170/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 81 | Trương Thị Thanh Tâm | 002037/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y | |
| 82 | Lê Thị Hồng Thu | 001927/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 83 | Mai Thị Thu Hiền | 002596/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|----|----------------------|-----------------|--|---|
| | | | ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y | |
| 84 | Ngô Đình Mỹ Linh | 004390/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 85 | Nguyễn Thị Minh Châu | 000220/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 86 | Nguyễn Ngọc Diệp | 0004022/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 87 | Lê Thị Ngọc Hân | 000138/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 249/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi |
| 88 | Ngô Hữu Thọ | 0001171/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội | 2058/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi |
| 89 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 2567/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi | |
| 90 | Ngô Trung Dũng | 004011/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi | |
| 91 | Nguyễn Thị Hồng Hà | 003849/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 92 | Lê Thị Bích Thuận | 000173/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 93 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 000187/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 94 | Trần Thị Thúy Nga | 004597/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy | |

| | | | | |
|-----|-----------------------|----------------|---|--|
| | | | định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 95 | Võ Thị Thùy Nhung | 004398/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 96 | Lê Thị Quỳnh Nga | 000234/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 97 | Nguyễn Thị Thuần | 000165/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 98 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 000235/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 99 | Diệp Thị Hà My | 003824/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 207/QĐ- SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu |
| 100 | Trần Thị Tú | 000164/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 101 | Trần Thị Thúy | 000240/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 102 | Nguyễn Thị Thu Hường | 000242/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 103 | Trần Thị Phương Chi | 000246/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 104 | Trương Thị Huyền Diệu | 004441/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |

| | | | | |
|-----|----------------------|-----------------|--|--|
| 105 | Đoàn Xuân Tuấn | 0002081/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. | 672/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng |
| 106 | Trương Anh Tuấn | 0001173/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 662/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng |
| 107 | Phạm Khắc Đài | 3279/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |
| 108 | Nguyễn Tiến Hải | 2002/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 648/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng |
| 109 | Nguyễn Văn Thành | 1928/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |
| 110 | Nguyễn Mạnh Ngọc | 4220/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 762/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng |
| 111 | Nguyễn Thị Bích Thảo | 000247/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |
| 112 | Nguyễn Thị Thành | 000250/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |
| 113 | Trương Lan Anh | 000248/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |
| 114 | Hoàng Thanh Hiệp | 000252/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |
| 115 | Phan Thị Mỹ Linh | 004921/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | |

| | | | | |
|-----|------------------------|-----------------|---|--|
| 116 | Phan Thị Ngọc Huyền | 2858/QB-CCHN | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng | |
| 117 | Trần Hải Phong | 4259/QB-CCHN | Kỹ thuật viên phục hồi chức năng | |
| 118 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 0001147/QB-CCHN | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ | |
| 119 | Nguyễn Xuân Hoàng | 000143/QB-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh | |
| 120 | Phạm Thị Lan Anh | 000087/QB-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh | |
| 121 | Lê Thị Bích Lại | 000144/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh | |
| 122 | Hoàng Thị Ngọc Trâm | 004922/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 123 | Nguyễn Quốc Thành | 004587/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 124 | Đặng Thị Quỳnh Trang | 0003825/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 2398/QĐ- SYT. Bổ sung chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 125 | Ngô Hữu Hoàng | 000261/QB-CCHN | Kỹ thuật viên kỹ thuật hình ảnh | |
| 126 | Nguyễn Thái Học | 0002141/QB-CCHN | Kỹ thuật viên hình ảnh y học | |
| 127 | Nguyễn Quốc Huy | 000251/QB-CCHN | Kỹ thuật viên hình ảnh y học | |
| 128 | Nguyễn Duy Tùng | 0002019/QB-CCHN | Kỹ thuật viên hình ảnh y học | |
| 129 | Hoàng Thị Minh | 000273/QB-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm | |
| 130 | Phan Thị Lê Na | 000264/QB-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm | |

| | | | | |
|-----|-------------------|----------------|---|---|
| 131 | Trần Bảo Ngọc | 4214/QB-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm y học | |
| 132 | Trần Xuân Diệu | 000267/QB-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm | |
| 133 | Hồ Anh Dũng | 002996/QB-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | |
| 134 | Bùi Thị Thanh Hoa | 000266/QB-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | |
| 135 | Nguyễn Mạnh Tuấn | 000271/QB-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm y học | |
| 136 | Nguyễn Thanh Hải | 000145/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê - Hồi sức | |
| 137 | Trần Đăng Khoa | 000146/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê - Hồi sức | |
| 138 | Phạm Tuấn Hải | 4255/QB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa | 506/QĐ-SYT. Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức |
| 139 | Trần Thị Thủy | 000276/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 140 | Trần Văn Hữu | 000278/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 141 | Nguyễn Xuân Thành | 000279/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 142 | Nguyễn Thị Hoa | 000176/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|-----|-----------------------|-----------------|---|--|
| 143 | Trần Quang Hiệp | 004546/QB-CCHN | Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng | 255/QĐ-SYT. Bổ sung chuyên khoa Y học gia đình |
| 144 | Trần Thị Phương Lan | 004435/QB-CCHN | Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng | |
| 145 | Phạm Thị Tĩnh | 004979/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 146 | Phạm Thị Vân Anh | 000403/QT-GPHN | Điều dưỡng | |
| 147 | Nguyễn Nữ Mai Nu | 000361/QT-GPHN | Điều dưỡng | |
| 148 | Trần Thu Hà | 000401/QT-GPHN | Điều dưỡng | |
| 149 | Trần Thị Ngọc Hà | 000402/QT-GPHN | Điều dưỡng | |
| 150 | Nguyễn Thị Hoa | 0001163/QB-CCHN | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ | |
| 151 | Trương Thị Hồng Tuyên | 000223/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 152 | Nguyễn Thị Thu Huệ | 0001158/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 153 | Hoàng Thị Hà | 000198/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 154 | Lê Thị Hương | 0002981/QB-CCHN | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ | |

| | | | | |
|-----|------------------------|-----------------|---|--|
| 155 | Nguyễn Thị Lê | 000656/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 156 | Nguyễn Quốc Hùng | 005071/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 157 | Cao Thị Huyền | 005055/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | |
| 158 | Lương Thế Vinh | 005133/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 159 | Trần Thị Ngọc Quỳnh | 000422/QT-GPHN | Điều dưỡng | |
| 160 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 0004083/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 161 | Nguyễn Thị Nga | 000154/QB-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | |
| 162 | Nguyễn Thị Thu Phương | 001702/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 163 | Phạm Thị Ngân | 0002491/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 164 | Võ Thanh | 005013/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 165 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 000191/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 166 | Phan Thị Bông | 0001138/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|-----|-----------------------|-----------------|---|--|
| 167 | Võ Thị Lành | 0001155/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 168 | Hoàng Thị Mỹ Tuyền | 000170/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 169 | Lê Thị Ngọc Quỳnh | 000151/QB-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | |
| 170 | Dương Trang Ly | 0002140/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 171 | Nguyễn Anh Dũng | 0002115/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 172 | Phạm Thị Bé | 0002966/QB-CCHN | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | |
| 173 | Nguyễn Thị Thúy Tinh | 0001791/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 174 | Ngô Thị Thảo | 000245/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 175 | Phạm Thị Mỹ Duyên | 0001922/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 176 | Dương Thị Phương Thảo | 000182/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|-----|------------------------|-----------------|--|--|
| 177 | Phan Thị Thu Hằng | 003521/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 178 | Nguyễn Thị Ly Ly | 005762/QB-CCHN | Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 | |
| 179 | Nguyễn Quang Dũng | 004897/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |
| 180 | Nguyễn Thị Phương Thúy | 005148/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 181 | Châu Thị Thanh Thảo | 004491/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 182 | Nguyễn Thị Phương | 0001616/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 183 | Mai Anh Hùng | 005074/QB-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm y học | |
| 184 | Ngô Thị Hương Quỳnh | 004993/QB-CCHN | Kỹ thuật viên hình ảnh y học | |
| 185 | Phạm Hồng Ngọc | 0001610/QB-CCHN | Chăm sóc người bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức | |
| 186 | Bùi Thị Sen | 000362/QB-GPHN | Điều dưỡng | |
| 187 | Ngô Thị Lan | 3221/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 188 | Đinh Thị Tố Quyên | 000268/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |

| | | | | |
|-----|----------------------|-----------------|---|--|
| 189 | Phạm Như Ngọc | 0001008/QB-CCHN | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | |
| 190 | Trần Thị Giang | 002222/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 191 | Cao Thị Thu Nga | 000382/QB-GPHN | Điều dưỡng | |
| 192 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 004964/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 193 | Đặng Thị Hoài Thu | 000423/QB-GPHN | Điều dưỡng | |
| 194 | Nguyễn Ánh Nguyệt | 0003268/QB-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV | |
| 195 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 004976/QB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | |

PHỤ LỤC III

SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN

(Kèm theo bản Công bố bổ sung số: 134 ngày 06 tháng 3 năm 2026)

| STT | Chức danh người hành nghề | Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận trong năm | Ghi chú |
|-----|---|---|---------|
| 1 | Bác sỹ chuyên khoa Ngoại | 10 học viên | |
| 2 | Bác sỹ chuyên khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình | 10 học viên | |
| 3 | Bác sỹ chuyên khoa Ngoại tiết niệu | 05 học viên | |
| 4 | Bác sỹ chuyên khoa Nội | 10 học viên | |
| 5 | Bác sỹ chuyên khoa Nhi | 10 học viên | |
| 6 | Bác sỹ chuyên khoa Mắt | 10 học viên | |
| 7 | Bác sỹ chuyên khoa Tai mũi họng | 10 học viên | |
| 8 | Bác sỹ chuyên khoa Sản | 10 học viên | |
| 9 | Bác sỹ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu | 10 học viên | |
| 10 | Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức | 15 học viên | |
| 11 | Bác sỹ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh | 10 học viên | |
| 12 | Bác sỹ chuyên khoa Phục hồi chức năng | 10 học viên | |
| 13 | Bác sỹ chuyên khoa Nội tim mạch | 05 học viên | |
| 14 | Bác sỹ chuyên khoa Da liễu | 05 học viên | |
| 15 | Bác sỹ chuyên khoa Răng hàm mặt | 05 học viên | |
| 16 | Bác sỹ chuyên khoa Y học cổ truyền | 10 học viên | |
| 17 | Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản | 50 học viên | |

PHỤ LỤC IV

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CỤ THỂ

1. Nội dung, thời gian hướng dẫn thực hành đối với chức danh theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề, các kỹ thuật các chức danh được thực hiện quy định tại Thông tư số 32/2023/TT/BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

3. Việc tiếp nhận, bố trí người thực hành căn cứ nguyện vọng, định hướng hành nghề chuyên khoa của người thực hành trong tương lai.

| TT | Chức danh chuyên môn | Nội dung thực hành | Địa điểm thực hành | Thời gian thực hành | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--|--|---------------------|---|
| I | Bác sỹ chuyên khoa | | | | |
| 1 | Bác sỹ có văn bằng chuyên khoa | - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Danh mục kỹ thuật theo các chuyên khoa tương ứng trong phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế | Tại khoa chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo | 12 tháng | Đối với trường hợp quy định tại khoản 4,5 Điều 10; khoản 4,5 Điều 125 Nghị định 96/2023/NĐ-CP |

| | | | | | |
|-----------|--|--|---|--|--|
| 2 | Bác sỹ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản | - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Danh mục kỹ thuật theo các chuyên khoa tương ứng trong phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế | Tại khoa chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên chứng chỉ | 09 tháng/06 tháng (tùy thuộc thời gian đã được đào tạo ghi trên chứng chỉ) | |
| II | Điều dưỡng (Chuyên ngành Phụ sản) | Danh mục kỹ thuật phù hợp với quy định trong phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế | | 06 tháng | |
| 1 | Quy định chung | Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực- chống độc | 01 tháng | |
| 2 | Quy định cụ thể | Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh | Khoa Phụ sản | 05 tháng | |